



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DINH BA TAM
Last Middle First

Current Address: 284/39 C6 bac - QL Hoehiminh - city

Date of Birth: 1941 Place of Birth: Phu Thien

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-1975 To 12-1980
Years: 05 Months: 06 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DO - THI TO - MINH	1940	wife
DINH BA MINH	1970	son
DINH THI MINH KHANH	1971	daughter
DINH THI MINH PHUONG	1973	daughter
DINH THI MINH LUAN	1975	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



TP. HCM. ngày 25-7-1988

Chị Kluc mình Elit kính mến,

Lần đầu tiên được biết chị tại di cư cho
anh chị em QGHC ở miền bắc, là do một
người bạn của tôi gọi là Huân - Anh ấy cho
địa chỉ và Huân đưa tôi gọi thăm ODP để
chị và các anh chị em bên đó, bằng sự
quen biết và sự tin, chúng tôi giúp cho tôi.
Chị ra, chúng tôi đã làm đơn gọi đi
thời hạn nhiều lần (qua người quen ở
Đài loan, ở Mỹ, ở Đức v.v.) nhưng vẫn
không được. Nay, hai
phái đoàn Việt-Mỹ đã họp, ra thông cáo
chung để xóa trên các tình cờ (cho những
người đã cải tạo) ở Hoa Kỳ; anh em
chúng tôi ở quê nhà cũng hy vọng nhiều,
nhưng biết đến bao giờ người ta mới
gọi đến? Tôi nhớ anh bạn chị thân ở
CANADA chúng tôi giúp đến chị lo số này.
Thật là mong chị cố gắng chúng tôi giúp đi
cho. Nếu cần Kluc báo gì, chị cứ
viết thư về địa chỉ: ĐÌNH ĐA TÂN, 284/39
Cố Bắc, QI, TP. HCM/VN. Xin chân thành cảm tạ.

Trần

ĐÌNH ĐA TÂN

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2563 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Thanh Cẩm

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trại

799

280

Số 5000

0 0 1 5 7 6 1 1 2 2 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 986-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 5 ngày 5 tháng 11 năm 1980

BỘ NỘI VỤ

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

ĐINH BA TÂM

Họ, tên thường gọi

Đinh Ba Tâm

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 1941

Nơi sinh Phú Yên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

284/39 cơ bắc quận 1 TP Hồ chí Minh

Cán tội Trung úy biệt phái

Bị bắt ngày 17/6/75

Án phạt

110T

Theo quyết định, án văn số 06 ngày 35 tháng 5 năm 75 của

Bộ nội vụ

Đã bị tăng án lần, công thành năm tháng

Đã được giảm án lần, công thành năm tháng

Nay về cư trú tại 284/39 cơ bắc quận 1 TP Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng - an tâm chưa có biểu hiện gì xấu, thường bị, tiếp thu sự giáo dục của đảng.

Lao động tham gia đầy đủ đảm bảo ngày công, nhưng nặng nhọc lao động chưa

học tập tham gia, có tinh thần và ý thức trong học tập

Nội quy - vi phạm nhưng không đáng kể

Lần tay ngăn trở phải

Của Tân

Đánh bản số 807

Lớp tại RV 15

Họ, tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 29 tháng 11 năm 1980

Giám thị



CAF22

xác nhận

ops có đến trình diện
tại địa phương - H/c
công an B1

Phường 22 Quận 12 tháng 12 năm 1960

TRUYỀN LỆCH: LONG 22



CÁC VĂN THẠNH

13/1/61
Lê Thành
16/1/61 đến trình diện

NVC

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN Nhị

Số hiệu 4 333

0

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG ĐINH BA TAM

nghề-nghiệp Sinh viên

sinh ngày Hai tháng Ba năm một ngàn

chín trăm bốn mươi một, tại Long Phước, Phú Yên

cư trú tại Saigon, 284/20 Co Bắc

tạm trú tại ///

Tên họ cha chồng Bình ba Kha

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Trần thị Diệu

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ ĐO THỊ TỎ MINH

nghề-nghiệp Công nhân

sinh ngày Hai tháng mười một năm một ngàn chín

trăm bốn mươi, tại Thanh Hoa

cư trú tại Saigon, 290 Co Bắc

tạm trú tại ///

Tên họ cha vợ Đo ke Thuat

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn thị Ky

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn-thú 11 tháng 12 năm một ngàn chín trăm
sau mươi bảy, 16 giờ,

Vợ chồng khai có hay không ///

ngày /// tháng /// năm ///

tại ///

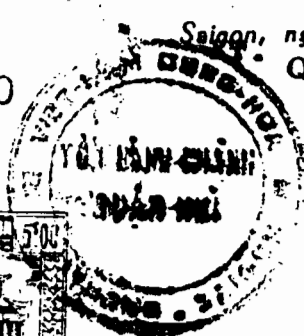
TRÍCH LỤC Ý BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 21 tháng 2 năm 19 70

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN Nhị

Vice-Chief Hộ-Tịch,

1970



TRƯỞNG-CHỨC HỘ-TỊCH

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 25-7-1988
(July, 25th, 1988)

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : ĐÌNH BA TÂM Sex: _____
Phái Nam.
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 2-3-1941 tại Huế
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 284/39 Trưng Cỗ Bắc - QI - TP. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 284/39 Trưng Cỗ Bắc - QI - TP. Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đi
1. <u>Đỗ Huệ Tố Minh</u>	<u>(2-11-1940)</u>	<u>Thanh Hóa (gái)</u>	<u>(M)</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>Đình Ba Ninh</u>	<u>(2-4-1970)</u>	<u>Sài Gòn (Nam)</u>	<u>(S)</u>		<u>Con trai</u>
3. <u>Đình Huệ Minh Khánh</u>	<u>(9-6-71)</u>	<u>Sài Gòn (Nữ)</u>	<u>(S)</u>		<u>Con gái</u>
4. <u>Đình Huệ Minh Phương</u>	<u>(4-2-73)</u>	<u>Sài Gòn (Nữ)</u>	<u>(S)</u>		<u>Con gái</u>
5. <u>Đình Huệ Minh Loan</u>	<u>(12-3-75)</u>	<u>Sài Gòn (Nữ)</u>	<u>(S)</u>		<u>Con gái</u>
6. _____					
7. _____					
8. _____					
9. _____					
10. _____					
11. _____					
12. _____					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : TRẦN QUANG HUY

HAH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Em họ

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 1981.

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

ĐỖ ĐĂNG ĐẠO

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

Em ruột

c. Address
Địa-chỉ : _____

GERMANY

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : ĐÌNH BA' KHA (Sống)

2. Mother
Mẹ : TRẦN THỊ DIỆU (Sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng : ĐỖ THỊ TỐ' MINH

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái: (1) ĐÌNH BA' NINH
(2) ĐÌNH THỊ MINH KHÁNH
(3) ĐÌNH THỊ MINH PHƯƠNG
(4) ĐÌNH THỊ MINH LOAN
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

6. Siblings
Anh chị em: (1) ĐÌNH BA' ÁI
(2) ĐÌNH BA' NGHĨA
(3) ĐÌNH THỊ THƯỜNG THƯỜNG
(4) ĐÌNH THỊ LÊ THƯỜNG
(5) ĐÌNH BA' THÀNH
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: ĐINH BA' TÂM

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1-10-1968 Đến 30-4-1975

3. Last Rank Cấp-bậc cuối-cùng Thiếu tá quân trưởng (Trung tá biệt phái) Serial Number Số quân 61A.105
Số thẻ nhân-viên: 901

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : Quân khuân lực, tỉnh Long An

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : CBS Nội vụ
Tên trưởng: Đại tá Mạc Văn Trường

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Việt-Nam : Cần Sinh viên Học viên Quốc gia
Hành chính, Ban Đọc sự Khảo 12

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: (Văn bằng tốt nghiệp bị mất năm 1975)
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Date received: _____
Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng sự có không? Có _____ Không: (X) _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : ĐÌNH BA' TÂM

2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 20-5-1975 Đến: 22-12-1980

3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không: (X)

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

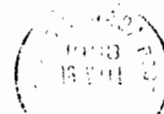
* Dân này sẽ được giới thiệu theo dõi, do:
MISS KHUẾ MINH THO'
PO. BOX 5453 ARLINGTON
VA. 22205-0835
USA.

Signature _____ Date 25-7-1988
Ký tên: [Signature] Ngày: (July, 25th, 1988)

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1- Giấy ra trại (SS' 799 ngày 22-12-80) của ĐÌNH BA' TÂM
- 2- Trích lục chứng thư liên lạc (SS' 333) của ĐÌNH BA' TÂM và ĐỔ TÀI TỔ MÌNH
- 3- Ảnh của ĐÌNH BA' TÂM



POSTAL
CODE



5 YRS

Mrs

KHUC MINH THO

PO BOX 5453 ARLINGTON

VA 22205 - 0835

USA

11 11